TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37/2023/QĐST-HNGĐ	*Tp. K, ngày 20 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1984.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Quốc Kh, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số 173 Hà Huy Tập, phường Quang Trung, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Vũ Quốc Kh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Vũ Quốc Kh thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 12/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Quốc Kh cấp dưỡng nuôi cháu Vũ Nguyễn Tuệ M mỗi tháng 3.000.000 *(Ba triệu)* đồng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 đến khi cháu Vũ Nguyễn Tuệ M đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Quốc Kh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vũ Quốc Kh phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị T nhận chịu thay anh Kh án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001321 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh K;
- Viện kiểm sát nhân dân TP K;
- Chi cục THA DS TP K;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND p. Quang Trung, TP K, tỉnh K);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

RY THỊ MỸ HOÀNG